TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
Số: 440/TM-CĐĐTĐL	*Hà Nội, ngày 23 tháng 9 năm 2024*

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Công ty .....

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 5194/QĐ-BGDĐT ngày 19/9/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Điện tử Điện lạnh Hà Nội.

Căn cứ giấy đề nghị ngày 16/06/2024 của Khoa Điện tử - Viễn thông về việc mua vật tư phục vụ giảng dạy kỳ I NH 2024-2025.

Nay Nhà trường đang có nhu cầu mua vật tư để phục vụ hoạt động giảng dạy cho sinh viên. Vì vậy chúng tôi làm thư này đề nghị các đơn vị có đủ năng lực gửi báo giá cho nhà Trường

(Danh mục vật tư chi tiết theo bảng đính kèm)

Đề nghị quý Cơ quan gửi báo giá cho chúng tôi theo địa chỉ sau:

Trường Cao đẳng Điện tử - Điện lạnh Hà Nội

- Địa chỉ : Phòng Quản trị Số 10 đường Nguyễn Văn Huyên, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

- Email: quantri@dtdl.edu.vn

Rất mong nhận được báo giá của quý cơ quan trước: ngày 27 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐIỆN TỬ - ĐIỆN LẠNH HÀ NỘI

TS. Trần Xuân Ngọc

STT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng duyệt	Đơn giá	Chủng loại, thông số kỹ thuật
1	Băng dính chịu nhiệt	Cuộn	1		Chịu Nh.ệt 300 Độ C - Cuộn Dài 33m
2	Biến áp 1A/2A (220V/3V/6V/9V/12)	C	44		Điện áp vào 220V/ f= 50Hz Điện áp ra 3V;6V/9V/12V/1A/2A
3	Biến áp đối xứng 15V	Chiếc	10		Điện áp vào 220V/f= 50Hz Điện áp ra 15V- 0 - 15V
4	Biến trở 100KΩ	C	35		Biến trở 100KΩ
5	Biến trở 10KΩ	Cái	60		Biến trở 10KΩ
6	Biến trở 22kΩ		18		Biến trở 22kΩ/1W
7	Biến trở 500KΩ	C	30		Biến trở 500KΩ
8	Biến trở VR20KΩ	Cái	50		Biến trở VR20KΩ
9	Bo kiểm tra mạch (GL No.12)	Cái	40		17X6,5Cm GL No.12 được sử dụng để gắn các module hoặc linh kiện điện tử
10	Bo mạch cũ có linh kiện dán	C	65		Bo mạch cũ có linh kiện dán
11	Bo mạch cũ có linh kiện xuyên lỗ	C	65		Bo mạch cũ có linh kiện xuyên lỗ
12	Bo mạch hàn (9x7)cm	C	200		Bo hàn 1 mặt Kích thước 7*9cm
13	Bo mạch nguồn tivi LCD (LED) các đời máy Sony, Samsung, Pansonic	Cái	4		Điện áp 220V/ 12V/5V
14	Bột sắt FeCl3	Kg	1,5		Bột sắt FeCl3 dạng bột ăn mòn mạch in thủ công - Độ tan: 103g/100ml ở 30 độ C
15	Cảm biến ánh sáng	cái	2		-Điện áp 3.3 – 5 V- Ngõ ra Analog 0 – 5V-Độ nhạy cao với ánh sáng được tùy chỉnh bằng biến trở .-Kích thước 32 x 14mm
16	Cảm biến chuyển động HC-SR501	cái	2		- Điện áp: 4.5V - 20V DC- Điện áp đầu ra: 0V - 3.3V DC- Góc quét <100 độ- Khoảng các phát hiện: 2m -4.5m Kích thước PCB:32mm x 24mm
17	Cảm biến độ ẩm HDT11	Cái	20		- Điện áp 5 VDC/ 2.5mA max . hoảng đo độ ẩm: 20%-90% RH - Khoảng đo nhiệt độ: 0-50°C (sai số 2°C) - Kích thước 15mm x 12mm x 5.5mm
18	Cảm biến khí gas	cái	2		Điện áp 5V. Loại dữ liệu: Analog
19	Cảm biến nhiệt độ LM35	Cái	20		Điện áp 4- 30VDC/60uA

20	Cảm biến nhiệt độ ống đồng	cái	10		Điện trở 15KΩ
21	Cảm biến nhiệt độ phòng	cái	10		Điện trở 20KΩ
22	Cáp đồng Trục	Mét	20		Vỏ nhựa PVC, sợi đồng dẫn tín hiệu ϕ 0,8mm
23	Cáp Female-male 20cm (40 sợi)	Bộ	40		40 sợi, 20cm X2.54mm
24	Cáp male-male 20cm (40 sợi)	Bộ	50		40 sợi, 20cm X2.54mm
25	Cầu chì 0.5A/220V	Cái	0		Cầu chì 0.5A/220V
26	Cầu chì cao áp 5KV (0.5 ÷ 1.5)A	Cái	20		Cầu chì cao áp 5KV (0.5÷1.5)A
27	Cầu diode	Chiếc	15		800V/ 15A
28	Chiết áp volum kép 20KΩ	Cái	0		Chiết áp kép 20KΩ
29	Còi 5v	c	30		Còi Chíp 3V-5V-12V 9.5x12MM
30	Cồn 90 độ (Lọ 500ml)	Lọ	1		Cồn 90 độ (Lọ 500ml)
31	Công tắc bật/tắt	Cái	30		Công tắc bật/tắt 220v/6A
32	Công tắc bit 8 chân	Cái	60		Công tắc bit 8P DS-8P chân cắm đứng
33	Đầu mỏ hàn sợi đốt	c	40		Điện áp: 220v; Công suất: 60w. Kích thước: 5cm Đường kính: 6mm. Đầu mỏ hàn có mạ kẽm.
34	Đầu nối dây điện Domino 2 chân	Chiếc	0		Cầu Đấu dây Domino CON 2 KF128-2P 3.5mm / 3.81mm
35	Đầu nối dây điện Domino 3 chân	Chiếc	0		Cầu Đấu dây Domino CON 3 KF128-3P 3.5mm / 3.81mm
36	Dây cảm biến nhiệt mâm từ	Cái	10		Điện trở nhiệt 100kΩ; Điện áp 5V
37	dây cáp mạng	Mét	10		Điện dung: 5.6 nF/100m. · Điện trở dây dẫn: 9.38 ohms max/100m · Điện áp : 300VAC
38	Dây điện đôi 0,5x2	Mét	30		Dây điện đôi 0,5mmx2; Điện áp 220V/ 10A
39	Dây điện lõi nhỏ một sợi 1x1mm	m	50		Dây điện lõi nhỏ một sợi 1x1mm
40	Dây điện lõi nhỏ nhiều sợi 1x1mm	m	50		Dây điện lõi nhỏ nhiều sợi 1x1mm
41	Dây gắn Pin/Đế Pin 9V	Chiếc	20		
42	Dây hút thiếc	m	15		Dây sợi đồng bám thiếc

43	Dây tín hiệu đấu loa	mét	5		Độ bền cách điện: Chịu được 1KV; Điện trở cách điện ở 20oC: > 20MΩ/km; - Điện trở suất dây dẫn: <0,0178Ω.mm2/m; - Thành phần: PVC, đồng
44	Đế IC 14chân	C	0		Đế dùng cắm IC 14chân
45	Đế IC 16chân	C	5		Đế dùng cắm IC 16chân
46	Đế IC 8 chân DIP8	Chiếc	60		Đế dùng cắm IC 8chân
47	Đèn 220v/40W + đui	Bộ	20		Đèn 220v/40W + đui xoáy
48	Đèn Led phát hồng ngoại	Chiếc	0		LED Phát Hồng Ngoại 5MM; Điện áp: 1.2 - 1.6V DC; Dòng: 10 - 20 mA; Bước sóng: 940nM
49	Đèn Led thu hồng ngoại	Chiếc	0		LED thu hồng ngoại 5MM; Điện áp: 1.2 - 1.6V DC; Dòng: 10 - 20 mA
50	Đèn phát sóng cao tần	Cái	5		Đèn sóng Magnetron; Bóng cao tần; Đầu phát viba
51	Đi ốt 1A	C	500		Đi ốt 1A 1000V/1A
52	Đi ốt D5408 (3A)	Cái	30		D5408 1000V/3A
53	Đi ốt DZ 12V	Cái	8		D5408 12V/1W
54	Đi ốt ổn áp 20v	C	15		Đi ốt ổn áp 20v-1/2W, chân cắm
55	Diac DB3	c	30		VBOmin = 28V VBOmax = 36V Dải nhiệt độ hoạt động: -40°C~125°C
56	Điện trở 1 Ω	C	18		Điện trở 1 Ω
57	Điện trở 100Ω 2W	Cái	30		Điện trở 100Ω 2W
58	Điện trở 10KΩ	Cái	500		Điện trở 10KΩ
59	Điện trở 150 Ω	C	15		Điện trở 150 Ω/0,5W
60	Điện trở 15kΩ	C	0		Điện trở 15kΩ/0,5W
61	Điện trở 15kΩ/5W	C	18		Điện trở 15kΩ/5W
62	Điện trở 1KΩ	Cái	0		Điện trở 1KΩ
63	Điện trở 1KΩ/10W	Chiếc	10		Điện trở 1KΩ/10W
64	Điện trở 1Ω/2W	Cái	10		Điện trở 1Ω/2W
65	Điện trở 2,2 Ω	C	28		Điện trở 2,2 Ω
66	Điện trở 2,2KΩ	Cái	60		Điện trở 2,2KΩ
67	Điện trở 330Ω	C	200		Điện trở 330Ω/0,5W
68	Điện trở 33KΩ	C	20		Điện trở 33KΩ
69	Điện trở 390Ω	Cái	400		Điện trở 390Ω
70	Điện trở 39Ω	C	15		Điện trở 39Ω
71	Điện trở 4,7KΩ	Cái	40		Điện trở 4,7KΩ
72	Điện trở 470Ω	Cái	300		Điện trở 470Ω
73	Điện trở 47K Ω	Chiếc	70		Điện trở 47K Ω
74	Điện trở 47Ω/0.5w	Cái	18		Điện trở 47Ω/0.5w
75	Điện trở 5,6KΩ	Cái	33		Điện trở 5,6KΩ
76	Điện trở 560Ω	C	10		Điện trở 560Ω/0,5W
77	Điện trở 8.2KΩ	C	35		Điện trở 8.2KΩ

78	Điện trở R220	Cái	300		Điện trở R220
79	Điốt cầu 20A/600V	cái	0		20A/600V
80	Điốt Cầu D15XB REC2163	Cái	12		800V/ 15A
81	Điốt tiếp âm T3512H 1229	Cái	20		Đi ốt chỉnh lưu điện áp cao T3512H 12kv 350mA
82	Động cơ bơm nước 12V	Cái	20		Đường kính: 27mm. Điện áp: 5V. Góc bước: 5,625x1/64.
83	Động cơ bước	Cái	20		- Tốc độ: 3V 12.000r/Min; Dòng tiêu thụ: 0.3-0.4A
84	Động cơ DC 5V	Cái	15		- Tốc độ: 3V 12.000r/Min - Dòng tiêu thụ: 0.3-0.4A
85	Động cơ máy nén điều hòa Inverter các model Panasonic hoặc Dakin	Cái	0		Động cơ máy nén điều hòa Inverter các model Panasonic, Dakin
86	Giấy in làm mạch khổ A4	Tờ	60		- Kích thước: A4; - Một mặt bóng, một mặt giấy
87	IC 4558D	Cái	8		IC chân cắm, 8 chân Điện áp ±20V/ 2.5mA Công suất 800mA
88	IC 555	Chiếc	80		- Ic 8 chân cắm;- Điện áp đầu vào nằm trong dải từ 2 – 18V/Dòng điện tiêu thụ: 6 – 15mA; - Công suất tiêu thụ lớn nhất: 600mW;- Điện áp logic đầu ra 1: 0.5 – 15V;- Điện áp logic đầu ra 0: 0.03 – 0.06V;
89	IC 741	C	30		- Ic 8 chân cắm - Nguồn điện, Đơn / Đôi (±): 10 V ~ 36 V, ± 5 V ~ 18 V- Dòng điện đầu ra / Kênh: 25mA
90	IC 74HC00	Cái	40		- Ic 14 chân cắm;- Số cổng NAND trong ic:4; - Điện áp hoạt động: 2V – 6V DC; -Dòng ngõ ra: 5.2mA
91	IC 74HC02	Cái	30		- Ic 14 chân cắm - Số cổng NAND trong ic:4 - Điện áp hoạt động: 2V – 6V DC -Dòng ngõ ra: 5.2mA
92	IC 74HC04	Cái	30		- Ic 14 chân cắm - Bao gồm 6 cổng NOT độc lập.- Điện áp VCC (V): 2V - 6V- Dòng output (mA): -4mA hoặc 4mA tại điện áp 5V
93	IC 74HC08	Cái	30		- Ic 14 chân cắm- Là IC logic 4 cổng AND độc lập 2 đầu vào- Nguồn cấp: 2V - 6V; Dòng output (mA): -4mA hoặc 4mA tại điện áp 5V

94	IC 74HC138	Cái	30		- Ic 16 chân cắm;- Số driver đầu ra: 10 LSTTL _oads.- Các giao diện đầu ra tới CMOS, NMOS và TTL.- Dải điện áp hoạt động: 2V đến 6V.- Dòng điện vào thấp khoảng 10^(-6) A.
95	IC 74HC148	Cái	60		- Điện áp sử dụng: 4.75 - 5.25V;- Dòng đện: 8mA; - Kiểu chân: DIP16
96	IC 74HC32	Cái	30		- Ic 14 chân cắm;- Bao gồm 6 cổng AND độc lập.;- Điện áp VCC (V): 2V - 6V;- Dòng output (mA): -4mA hoặc 4mA tại điện áp 5V
97	IC 74HC47	Cái	100		Điện áp: 2 - 6V.- Mức logic: 0 và 1.- Dòng điện đầu ra: 7.8mA.- Kiểu chân: SOP 16.
98	IC 74HC595	Cái	30		Điện áp: 2 - 6V.- Mức logic: 0 và 1.- Thời gian truyền: 265ns.- Dòng điện đầu ra: 7.8mA.- Kiểu chân: DIP 16.
99	IC 74HC76	Cái	50		-JK Flip Flop; - Điện áp: 2 - 6V; Mức logic: 0 và 1.- Thời gian truyền: 265ns.- Dòng điện đầu ra: 7.8mA.- Kiểu chân: DIP 16.
100	IC 74HC90	Cái	130		Chức năng: Đếm nhị phân đồng bộ thuận với Kd = 10. - Số chân : 16 chân DIP. - Công suất: 90mW - Tần số: 25MHz.
101	Ic 78L05	cái	20		Điện áp đầu vào 5- 35V DCĐầu ra 5V chính xác và ổn định; Imax= 100mA
102	IC AN 6884	Cái	30		Điện áp Vcc: 3.5V~ 16V. Dòng điện I: 15 nA.- Kiểu chân: DIP 9.
103	IC công suất máy nén	cái	4		
104	IC công suất nguồn xung U3842	cái	10		- Điện áp hoạt động: 12-30V.- Dòng điện: 1A. - Tần số hoạt động: 47-57kHz
105	IC KA431	cái	30		- Điện áp làm việc: 2.5 - 36V.-Dải dòng điện 1 - 100 mA.- Trở kháng đầu ra: 0.22Ohm
106	IC LM 358	Chiếc	10		Kiểu chân: 8 chân, xuyên lỗ.-Điện áp: 3-32V với nguồn đơn, 1.5-16V với nguồn đôi; Điện áp ngõ ra: 0V đến VCC(+)-1.5V
107	IC LM324	Cái	20		▪ *Điện áp lối vào: -0.3V đến +32VDòng cực máng nhỏ: 0.7mA Dòng offset lối vào 30nA maxĐiện áp offset lối*

					vào: 3mA max - Kiểu chân: DIP 14
108	IC LM393	Cái	0		- Điện áp cung cấp rộng: 2V đến 36V.- Dòng hoạt động thấp chỉ khoảng 400uA. - Kiểu chân: DIP 14
109	IC Nguồn Vipper12A	Cái	20		- 8 chân cắm;- Dải điện áp: 9-38V ;-Tần số: 60kHz
110	IC ổn áp7805	C	60		Điện áp đầu vào: lên đến 30V;- Điện áp đầu ra: 5V;- Dòng điện đầu ra: 1.5A.- Nhiệt độ hoạt động: -40 đến 150 độ C;- Kiểu chân: TO - 220. 3 chân
111	IC PC817	cái	20		4 chân cắm;Opto quang
112	IC PT2399	Cái	8		Dải điện áp hoạt động (4.5V-5.5V). - 16 chân cắm. - Xử lý tiếng vang
113	IC TDA 2003	C	0		Chân cắm, điện áp nguồn 8-18V, công suất 20W
114	IC TL084	Cái	0		14 Chân cắm; - Điện áp 3- 36V;- Mạch khếch đại thuật toán
115	IC ULN 2003	cái	6		IC chân cắm, 16 chân;U ra: 50V; vào: 30V; Dòng điện Ic: 500mA
116	IC4013	Cái	45		- Điện áp làm việc: 3 -18V - Nhiệt độ làm việc: -55 ~ 125 - Công suất : 500mW
117	IGBT 25N120	c	40		Điện áp chịu đựng Vce: 1200V Dòng điện cực đại Ic: 40A(ở nhiệt độ TC= 25°C), 25A(ở nhiệt độ TC= 100°C) Nhiệt độ tối đa: 300°C; Công suất Ptot: 310W
118	Jac đấu loa 3.5(nối tín hiệu từ điện thoai ra loa)	Cái	0		• - Dây nối từ điện thoại ra loa ;- Dây loa 1 ra 2 - Dây loa 3.5 ra jack A V RCA ;- - Chiều dài 1.5m
119	Jack BNC	cái	4		Jack BNC lò xo lõi đồng, vỏ kim loại
120	Jack j45	cái	4		Đầu nối cáp mạng; 8 chân
121	Keo ép Tap màn hình	Cuộn	1		Keo ép Tap màn hình 1.0mmx50m
122	Khăn lau màn hình	túi	0		Vải mịn Túi 50c
123	LCD 16x2	Cái	15		**Màn hình LCD 1602 xanh lá.**;Điện áp 5V.;Chữ trắng, nền xanh dương; Kích thước: 80 x 36 x 12.5mm

124	LED 7 thanh anot chung	C	110		Led 7 thanh 1 Inch Anot chung - Xanh vàng; Điện áp 2.2V/25mA
125	LED 7 thanh bốn Anot chung	Cái	18		Led 7 thanh 1 Inch Anot chung - Xanh vàngĐiện áp 2.2V/25mA
126	LED 7 thanh đôi Anot chung	Cái	18		Led 7 thanh 1 Inch Anot chung - Xanh vàng- Điện áp 2.2V/25mA
127	Led đơn	C	140		- Điện áp: 3V - 3.2V/20mA - Kích thước: loại 5mm trong suốt
128	LED RGB	Cái	200		Loại led: RGB 3 màu đỏ, xanh lá, xanh dương - Điện áp: 2.2/20mA Kích thước: loại 5mm trong suốt
129	LM35	C	30		• Điện áp hoạt động: 4~20VDCCông suất tiêu thụ: khoảng 60uAKhoảng đo: -55°C đến 150°CĐiện áp tuyến tính theo nhiệt độ: 10mV/°CKiểu chân: TO92Kích thước: 4.3 × 4.3mm
130	Loa 4omh /5w	C	15		Trở kháng: 4 ohmCông suất: 5W
131	Ma trận phím 3x4	Cái	16		- Bàn phím ma trận 4×4 loại phím mềm.- Độ dài cáp: 88mm.- Nhiệt độ hoạt động 0 ~ 70°C.- Đầu nối ra 8 chân.- Kích thước bàn phím 77 x 69mm.
132	Mạch 5VDC 2A	Mạch	10		- Điện áp vào: 85 ~ 264VAC;- Điện áp đầu ra: 5VDC;- Dòng điện đầu ra: 2A,3A - Công suất đầu ra: 10W;- Kích thước: 63.7 x 30.8 x 20mm- Trọng lượng: 28g
133	Mạch arduino uno R3 + dây USB	Bộ	10		**Arduino Uno R3 DIP** (kèm cáp);Điện áp hoạt động: 5~12VDC, Dòng tiêu thụ: 30mA; Khối lượng: 25 gram
134	Mạch L298 V3	Cái	15		- Điện áp tín hiệu 5V/ 0mA-36mA;- Điện áp hoạt động động cơ 5V-35V;- Dòng điều khiển động cơ 2A/1 mạch cầu H
135	Mạch nguồn 12V 5A	cái	0		Điện áp vào 100-240v Điện áp ra 12v 5A 60w- Công suất: 60W- Kích thước: 113 x 66 x 27 mm.
136	Mạch node mcu	cái	0		Tương thích các chuẩn wifi : 802.11 b/g/n Hỗ trợ : Wi-Fi Direct (P2P), soft-AP
137	Mạch rơ le 4 kênh	cái	2		- Điện áp DC 5V.- Đầu ra điện thê đóng ngắt tối đa: DC 30V / 10A, AC 250V / 10A- Kích thước: 76mm * 56mm * 18.5mm - Trọng lượng: 61g

138	Micro điện dung Condensor Mic	Chiếc	0		Micrô tụ điện 6 * 2,2mm Micrô nhận độ nhạy Bộ ngưng tụ Electret 6mmx2.2mm
139	Mô đun LED ma trận 8x8 (4led)	Cái	15		• Mạch hiển thị 4 LED ma trận với IC MAX7219 Điện áp: 5 VDC Kích thước: 12.8 x 3.2 x 1.3 cm Tín hiệu nối tiếp Serial ba chân DIN, CS, CLK, mức tính hiệu TTL;4 led ma trận 8x8 màu đỏ
140	Modul Bluetooth HC-06	Chiếc	15		• Điện áp: 3.3 ~ 5VDC.Dải tần sóng hoạt động: Bluetooth 2.4GHz Dòng điện: 30 mA, Kích thước: 28 mm x 15 mm x 2.35 mm
141	Modul Cảm biến ánh sáng K1C4-3	Cái	16		Điện áp: 3.3V - 5V.- Kích thước PCB: 3cm x 1.6cm.- Led xanh báo nguồn và ánh sáng.
142	Modul I2C dùng cho LCD16x2	Cái	18		
143	Modul Rơle 4 kênh (5v)	Chiếc	18		Điện áp DC 5V.Đầu ra điện thê đóng ngắt tối đa: DC 30V / 10A, AC 250V / 10AKích thước: 76mmx 56mm x 18.5mm; Trọng lượng: 61g
144	Modul wifi ESP8266	Chiếc	18		• Hỗ trợ chuẩn 802.11 b/g/n.; Wi-Fi 2.4 GHz, hỗ trợ WPA/WPA2;Chuẩn điện áp hoạt động: 3.3V.
145	Modun CB độ ẩm DHT11	c	0		- Điện áp 5 VDC/ 2.5mA max- Khoảng đo độ ẩm: 20%-90% RH - Khoảng đo nhiệt độ: 0-50°C (sai số 2°C) - Kích thước 15mm x 12mm x 5.5mm.
146	Modun CB hồng ngoại LM 393	c	30		Điện áp làm việc: 3.3V – 5V DC. Khi bật nguồn, đèn báo nguồn màu đỏ sáng. - Kích thước: 3.2cm * 1.4cm
147	Modun CB siêu âm HC SR04	c	30		Điện áp: 5V DC, góc tối đa: 15 độ, khoảng cách: 2cm – 450cm (4.5m)
148	Nhựa thông	Kg	3		Nhựa thông tự nhiên
149	Nước rửa keo màn hình	bình	0		Nước lau tẩy rửa 530 vệ sinh màn hình, keo ép kính
150	Nước rửa mạch	lít	5		- ĐỘ NÓNG CHẢY: -94 ° C - ĐIỂM SÔI: 56,5 ° C- TỈ TRỌNG: 0,789 kg / l- MÔ TẢ VẬT LÝ: chất lỏng
151	Nút bấm đơn	Cái	200		Kích thước: 6 x 6 x 5 mm. 4 pin Điện trở tiếp xúc: Ω0,03Ω Điện trở cách điện: ≥100MΩ

152	Opto PC 817	Cái	0		Opto PC 817
153	Phích cắm + ổ cắm đôi	Bộ	15		Vỏ nhựa. Cực tiếp xúc đồng hợp kim, ổ cắm x2 Điện áp 220V/10A
154	Phích cắm nguồn	Cái	30		Điện áp 220V/10A Vỏ nhựa, cực tiếp xúc đồng hợp kim
155	Phíp đồng A4	Tấm	0		Phíp Đồng KjB Khổ A4. Độ dày: 1.6mm Kích thước: 297x210mm
156	Photo triac MOC3062	cái	10		6 chân cắmPhần tử bán dẫn quang điện Đầu ra 400V/1A
157	Pin 1,5v	c	80		- Điện áp: 1.5V.- Size: AA.- Chiều dài: 4.7cm.
158	Pin 9v	c	60		Pin vuông 9V
159	Quang trở LRD	C	30		Điện trở quang 5528 LDR 5mm
160	Rơ le 12V, 5 chân, 10A	Cái	18		Điện áp cuộn dây: 5V / 12V /24V -Điện áp tiếp điểm: 10A – 250 VAC -Màu sắc: xanh -Số chân: 5 chân -Kích thước: 19mm x 15.5mm x 15mm.
161	Rơle 24V/5A	Cái	6		Kích thước: 3.3x2.5x2 cm Trọng lượng của relay Omron: 30g Điện áp vào: 24VDC Dòng: 5A Số chân: 8 chân
162	Role 5v	C	50		• Điện áp cuộn dây: 5V / 12V /24V -Điện áp tiếp điểm: 10A – 250 VAC -Màu sắc: xanh -Số chân: 5 chân -Kích thước: 19mm x 15.5mm x 15mm.
163	Tấm chắn sóng lò vi sóng (15x15)cm	Cái	200		Tấm chắn lò vi sóng kích thước 15x15
164	Thiếc hàn	kg	5		Chất liệu: Amiang
165	Thyristor 2P4M	C	50		- Cuộn to khối lượng: 800g - Đường kính: 0.8mm - Thành phần thiếc: 40%
166	Tivi LCD (LED) 32 inch (hoặc 42 inch) cũ hỏng các model các đời máy Sony (Panscnic)	cái	3		Kiểu chân cắm (DIP): TO252. - Dòng định mức: 2A. - Áp định mức: 400V.
167	Transistor 2N5401	Cái	10		Loại – PNP Dòng Collector: -0,6 A Tần số chuyển đổi - 100 MHz
168	Transistor 2N5551	Cái	10		Loại – NPN Dòng collector: 0,6 ATần số chuyển đổi - 100 MHz
169	Transistor A1011	Cái	0		TRANSISTOR PNP Điện áp Maxeo): -160V Dòng điện MAX (Ic) :- 3A.Công suất: 100W.
170	Transistor A671	C	30		Loại – PNPĐiện áp Max (Vceo): 50V Dòng điện MAX (Ic) : 4A Công suất: 40W

171	Transistor B633	C	30		Loại – PNPĐiện áp Max (Vceo): 85V Dòng điện MAX (Ic) : 6A Công suất: 35W
172	Transistor C2344	Cái	0		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): 160V Dòng điện MAX (Ic) : 1,5A Công suất: 25W
173	Transistor C2383	Cái	18		Loại – NPNĐiện áp Max (Vceo): 160V Dòng điện MAX (Ic) : 1A Công suất: 900mW
174	Transistor C828	C	0		Loại – NPNĐiện áp Max (Vceo): 30V Dòng điện MAX (Ic) : 100mA Công suất: 100mW
175	Transistor C828	C	150		Loại – NPNĐiện áp Max (Vceo): 30V Dòng điện MAX (Ic) : 100mA Công suất: 100mW
176	Transistor D613	C	30		Loại – PNP Điện áp Max (Vceo): 85VDòng điện MAX (Ic) : 6A Công suất: 40W
177	Transistor IRF3205	C	30		Kênh N Điện áp tối đa từ cực cống đến cực nguồn: 55VDòng xả tối đa liên tục là: 110A Công suất tiêu tán tối đa là: 200W
178	Transistor K340	Cái	4		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): 300V Dòng điện MAX (Ic) : 0,5A Công suất: 20W
179	Transistor K350	Cái	4		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): 00V Dòng điện MAX (Ic) : 0,5A Công suất: 20W
180	Transistor NPN BC547	Chiếc	0		Loại – NPNĐiện áp tối đa từ cực cống đến cực nguồn: 55V Dòng xả tối đa liên tục là: 110A Công suất tiêu tán tối đa là: 200W
181	Transistor phần nguồn BK78L05	Cái	7		Điện áp đầu vào 5- 35V DC Điện áp ra 5V, Imax= 100mA
182	Transistor phần nguồn SS 8050	Cái	0		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): 24V Dòng điện MAX (Ic) : 1,5A; CS: 0,4W
183	Transistor phần nguồn SS 8550	Cái	0		Loại – PNP Điện áp Max (Vceo): 24V Dòng điện MAX (Ic) : 1,5A; CS: 0,4W
184	Transistor TTA 1943	Cái	4		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): -230V Dòng điện MAX (Ic) : -15A Công suất: 150W
185	Transistor TTA5200	Cái	4		Loại – NPN Điện áp Max (Vceo): 250V Dòng điện MAX (Ic) : 15A, CS 150W

186	Transitor A564	C	13		Loại transistor: PNP.- Điện áp Vce: 25V.- Dòng điện Ic: 100mA.- Điện áp Vcb: 25V.
187	Transitor công suất nguồn 10N60	Cái	8		Transitor công suất nguồn 10N60
188	Tryriac BT136	c	30		Điện áp cực đại: 600V Dòng điện thuận cực đại: 6A Điện áp điều khiển mở van: 1.V Dòng điều khiển mở van: 100mA
189	Tụ 100uF/16v	C	80		Tụ hóa 100uF/16v
190	Tụ 0,01uF/50v	Cái	30		Tụ điện 0,01uF/50v
191	Tụ 0,1uF/50	Cái	100		Tụ điện 0,1uF/50
192	Tụ 0.3µF 630VAC	Cái	5		Tụ 0.3µF 630VAC
193	Tụ 10µF/16V	Cái	20		Tụ 10µF/16V
194	Tụ 10µF/25V	Chiếc	20		Tụ hoá 10µF/25V
195	Tụ 10µF/50V	Chiếc	10		Tụ hoá 10µF/50V
196	Tụ 100µF/25V	Chiếc	20		Tụ hoá 100µF/25V
197	Tụ 1000uF/16V	C	18		Tụ hóa 1000uF/16V
198	Tụ 1000uf/25V	C	60		Tụ điện 1000uf/25V
199	Tụ 100nF	C	50		Tụ gốm 100nF
200	Tụ 103	Chiếc	0		Tụ thường 103
201	Tụ 104	C	70		Tụ 104
202	Tụ 1uf/25V	C	30		Tụ điện 1uf/25V
203	Tụ 2,2uF/50V	Cái	30		Tụ điện 2,2uF/50V
204	Tụ 20nF (203)	C	18		Tụ gốm 20nF
205	Tụ 2200µF/25V	Chiếc	0		Tụ hoá 2200µF/25V
206	Tụ 2200uF/16V	C	18		Tụ hóa 2200uF/16V
207	Tụ 220uF/25V	C	35		Tụ điện 220uF/25V
208	Tụ 393	C	8		Tụ gốm 393
209	Tụ 4.7µF/25V	Chiếc	60		Tụ hoá 4.7µF/25V
210	Tụ 40uf/400V	cái	5		Tụ 40uf/400V
211	Tụ 470uF/16V	C	20		Tụ hóa 470uF/16V
212	Tụ 470uF/25V	C	20		Tụ hóa 470uF/25V
213	Tụ 5µF/ 400VDC	Cái	10		Tụ 5µF 400VDC
214	Tụ 5uF/450V	cái	0		Tụ 5uF/450V
215	Tụ 6800µF/50V	Cái	9		Tụ 6800µF/50V
216	Tụ chữ nhật 0.1µF 275VAC	Cái	5		Tụ 0.1µF 275VAC